Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7204.50.00

Mã HS	7204.50.00
Mô tả hàng hóa	Phế liệu và mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép / - Thỏi đúc phế liệu nấu lại
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 09:08:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72045000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10976
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10976
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10976
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	17	17%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10976
Thuế XK ưu đãi CPTPP	17	17%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10976
Thuế XK ưu đãi EVFTA	15	15%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10976
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	15	15%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10976

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10285
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10236
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10236
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10236
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10236
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10236
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10236
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10288
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10288
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10288
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10288
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10288
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10289
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10289
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10289
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10289
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10289
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10289
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10290
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10242
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10248
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10248
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10248
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10248
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10248
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10248
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10273
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10273
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10273
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10273
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10273
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10273
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10326
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10326
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10326
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10326
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10326
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10311
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10311
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10311
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10311
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10311
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10311
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10311
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10311
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10311
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10311
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10311
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10311
EVFTA	2022	2022	0,7	EV-NK!D10328
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10328
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10328
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10328
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10328
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10328
UKVFTA	2022	2022	0,7	UKV!D10327
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10327
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10327
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10327

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10327
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10327
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10268
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10268
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10268
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10268
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10268
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10268
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10268
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10305
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10305
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10305
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10305
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10305
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10305
RCEP B	2022	2022	0	B!D10305
RCEP B	2023	2023	0	B!E10305
RCEP B	2024	2024	0	B!F10305
RCEP B	2025	2025	0	B!G10305
RCEP B	2026	2026	0	B!H10305
RCEP B	2027	2027	0	B!I10305
RCEP C	2022	2022	0	C!D10305
RCEP C	2023	2023	0	C!E10305
RCEP C	2024	2024	0	C!F10305
RCEP C	2025	2025	0	C!G10305
RCEP C	2026	2026	0	C!H10305

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10305
RCEP D	2022	2022	0	D!D10304
RCEP D	2023	2023	0	D!E10304
RCEP D	2024	2024	0	D!F10304
RCEP D	2025	2025	0	D!G10304
RCEP D	2026	2026	0	D!H10304
RCEP D	2027	2027	0	D!I10304
RCEP E	2022	2022	0	E!D10308
RCEP E	2023	2023	0	E!E10308
RCEP E	2024	2024	0	E!F10308
RCEP E	2025	2025	0	E!G10308
RCEP E	2026	2026	0	E!H10308
RCEP E	2027	2027	0	E!I10308
RCEP F	2022	2022	0	F!D10305
RCEP F	2023	2023	0	F!E10305
RCEP F	2024	2024	0	F!F10305
RCEP F	2025	2025	0	F!G10305
RCEP F	2026	2026	0	F!H10305
RCEP F	2027	2027	0	F!I10305
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F9526
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G9526
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H9526
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I9526

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7204.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7204.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10976), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.